



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0103014996	ngày 13 tháng 12 năm 2006
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.		
Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số	36/UBCK-GPHDKD 67/UBCK-GP 92/UBCK-GPDCCCTCK	ngày 25 tháng 12 năm 2006 ngày 24 tháng 8 năm 2007 ngày 5 tháng 12 năm 2007
		Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Trung Hà Bà Dinh Thị Hoa Ông Trần Quốc Tuấn Ông Nguyễn Nam Sơn Bà Bùi Thị Kim Oanh Ông Phan Thanh Diện Ông Trần Vũ Hoài	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Trường Giang	Giám đốc
Trụ sở đăng ký		
<i>Trụ sở chính tại Hà Nội</i>	535 Kim Mã, Quận Ba Đình Hà Nội, Việt Nam	
<i>Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh</i>	63 Võ Văn Tần, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Số Công văn: 07/2012

V/v báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2012

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường (VND)	151.241.060.895
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán (VND)	8.633.781.959
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động (VND)	60.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) (VND)	219.874.842.854
5	Vốn khả dụng (VND)	449.246.525.900
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)(%)	204%

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Cao Phương Anh
Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ

Nguyễn Trường Giang

Giám đốc



30 -07- 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Kính gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Phạm vi công việc

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 ("Báo cáo"), được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 30 tháng 7 năm 2012. Việc lập và trình bày Báo cáo này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận soát xét về Báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; và do đó, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công tác kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo kèm theo đây không được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích sử dụng của Công ty để trình lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành và không được sử dụng cho bất kỳ một mục đích nào khác.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 12-02-091-a



Nguyễn Thùy Dương
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày.

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng			
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND	
A.	Nguồn vốn				
1.	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	430.000.000.000	-	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3.	Cổ phiếu quỹ	(35.631.190.200)	-	-	-
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	7.097.175.572	-	-	-
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
6.	Quỹ dự phòng tài chính	7.097.175.572	-	-	-
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
8.	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	93.359.261.576	-	-	-
9.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-	-	-	-
10.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
11.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-
12.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-	-
13.	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính	-	(7.167.860.733)	3.220.366.019	
1A.	Tổng				497.974.927.806
B.	Tài sản ngắn hạn				
<i>I.</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-	-
<i>II.</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	-	-	-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>	-	-	-	-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>	-	-	-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
	Các khoản phải thu ngắn hạn	-	(31.988.413.690)	-
1.	Phải thu của khách hàng	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2.	Trả trước cho người bán	-	(82.524.250)	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5.	Các khoản phải thu khác	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	-	(31.905.889.440)	-
IV.	Hàng tồn kho	-	-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	-	(1.651.238.282)	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	(861.094.513)	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
4.1.	Tạm ứng	-	-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4.2.	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác	-	(790.143.769)	-
1B.	Tổng		(33.639.651.972)	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

C.	Tài sản dài hạn			
I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-	-
II.	Tài sản cố định	-	(6.717.392.815)	-
III.	Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giám trú khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5	-	-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	-	(8.371.357.119)	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5	-	-	-
1C.	Tổng			(15.088.749.934)
VỐN KHẢ DỤNG = 1A+1B+1C				449.246.525.900

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá trị thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi.

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
	(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		144.588.312.314	-
1. Tiền mặt	0%	691.946.329	-
2. Các khoản tương đương tiền	0%	143.896.365.985	-
3. Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ		53.805.361.028	1.614.160.831
4. Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5. Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuồng phiếu		-	-
5.1 Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	3%	53.805.361.028	1.614.160.831
5.2 Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp		103.000.000.000	40.900.000.000
6. Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7. Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	3.000.000.000	900.000.000
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	100.000.000.000	40.000.000.00

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND	
		(1)	(2)	(3) = (1)*(2)	
IV. Cổ phiếu			254.539.883.900	66.941.396.605	
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	123.226.119.600	12.322.611.960	
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	11.421.764.300	1.713.264.645	
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-	
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	35.202.400.000	10.560.720.000	
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	84.689.600.000	42.344.800.000	
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-	
13.	Quỹ đại chúng	10%	-	-	
14.	Quỹ thành viên	30%	-	-	
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			405.000	175.320	
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	271.800	108.720	
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	133.200	66.600	
VII. Chứng khoán khác			41.645.460.174	33.316.368.139	
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	41.645.460.174	33.316.368.139	
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			84.689.600.000	8.468.960.000	
Mã chứng khoán		Mức tăng thêm %	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
1.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	20%	50%	84.689.600.000	8.468.960.000
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				682.269.022.416	151.241.060.895

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

B. RỦI RO THANH TOÁN

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn cam kết.

B. RỦI RO THANH TOÁN		Giá trị rủi ro VND			Tổng giá trị rủi ro VND		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I.	Rủi ro trước thời hạn thanh toán			143.896.365.985		8.633.781.959	
1.	Tiền gửi ký hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm			143.896.365.985		8.633.781.959	
2.	Cho vay chứng khoán			-		-	
3.	Vay chứng khoán			-		-	
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại			-		-	
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại			-		-	
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất			-		-	
II.	Rủi ro quá thời hạn thanh toán						
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro %		Quy mô rủi ro VND		Giá trị rủi ro VND	
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-		-	
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-		-	
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		-		-	
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%		-		-	
III.	Rủi ro tăng thêm (nếu có)						
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm %		Quy mô rủi ro VND		Giá trị rủi ro VND	
1.		-		-		-	
2.		-		-		-	
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)						8.633.781.959	

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012**

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác:

STT	Đối tượng thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương, các nước thuộc khối OECD, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,80%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD	3,20%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD	4,80%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tồn thắt có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi do con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗi từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		
		VND
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	213.582.736.528
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	-
1.	Chi phí khấu hao	(4.440.563.556)
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	14.207.914.315
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
4.	Dự phòng phải thu khó đòi	(31.905.889.440)
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	191.444.197.847
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	47.861.049.462
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})		60.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		219.874.842.854

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường (VND)	151.241.060.895
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán (VND)	8.633.781.959
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động (VND)	60.000.000.000
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) (VND)	219.874.842.854
5.	Vốn khả dụng (VND)	449.246.525.900
6.	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4) (%)	204%

Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Cao Phương Anh
Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Trường Giang
Giám đốc

30 -07- 2012

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 75 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 74 nhân viên).

2. Cơ sở lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 ("Thông tư 226"), các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Lê Quang Tiên
Kế toán trưởng

Cao Phương Anh
Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Trường Giang
Giám đốc

30 -07- 2012